TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Minh Hoan
Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang **tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21/10/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Nông Thị L có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phùng Văn Đ vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn Đ tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 12/8/2020. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính

tính không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Phùng Văn Đ đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn Đ, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới, hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Phùng Văn Đ có 01 con chung là Phùng Ngọc B, sinh ngày 09/4/2021. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B đến tuổi trưởng thành vì cháu là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Chị không yêu cầu anh Phùng Văn Đ phải cấp dưỡng đối với cháu Phùng Ngọc B.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Phùng Văn Đ chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; vợ chồng chị cũng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Phùng Văn Đ không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị L.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và bà Mã Thị Q là mẹ đẻ của bị đơn anh Phùng Văn Đ, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới, vợ chồng chị L, anh Đ về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh Đ tại thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà càng trầm trọng thêm nên đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó, chính quyền địa phương và người thân thích của anh Phùng Văn Đ nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ đã đến mức độ trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị L đối với anh Phùng Văn Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ có 01 con chung là cháu Phùng Ngọc B, sinh ngày 09/4/2021.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; cũng không có vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Kể từ khi kết hôn chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nay là thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi phát sinh mâu thuẫn chị L đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh còn anh Đ đi làm thuê tại thành phố Hải Phòng. Thỉnh thoảng anh Đ có về thăm nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại. Tuy nhiên, anh Đ chỉ thông báo là đang đi làm thuê tại thành phố Hải Phòng nhưng không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và chính quyền địa phương không nắm được hiện tại anh Đ đang làm việc gì, ở địa chỉ cụ thể nào tại thành phố Hải Phòng. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình anh Đ để thông báo cho anh Đ biết việc chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ và Tòa án triệu tập anh Đ đến làm việc, nhưng anh Đ không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nông Thị L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phùng Văn Đ không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị L:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Phùng Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Phùng Ngọc B, sinh ngày 09/4/2021 cho chị Nông Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phùng Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn chị Nông Thị L thể hiện vợ chồng chị L, anh Đ không có tài sản, đất đai vay nợ chung; chị L cũng không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, cư trú tại địa bàn có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Phùng Văn Đ không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Nông Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Phùng Văn Đ, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phùng Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn anh Phùng Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Nông Thị L đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Phùng Văn Đ. Anh Phùng Văn Đ đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng với chính quyền địa phương. Mặc dù thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và chính quyền địa phương không rõ anh Phùng Văn Đ hiện đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Phùng Văn Đ đã biết được việc chị Nông Thị L khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Phùng Văn Đ đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị L có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phùng Văn Đ không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 12/8/2020. Đây là quan hệ

hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chị Nông Thị L xác định tình cảm vợ chồng với anh Phùng Văn Đ đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phùng Văn Đ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Phùng Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ có 01 con chung là cháu Phùng Ngọc B, sinh ngày 09/4/2021. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Ngọc B đến tuổi trưởng thành vì cháu là con gái, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và không yêu cầu anh Phùng Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phùng Văn Đ cố tình vắng mặt, không có ý kiến cụ thể về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Phùng Ngọc B cho chị Nông Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phùng Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Nông Thị L và anh Phùng Văn Đ không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Nông Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Phùng Văn Đ không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Phùng Văn Đ (*Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 12/8/2020 tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang – Nay là UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Ngọc B, sinh ngày 09/4/2021 cho chị Nông Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phùng Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Nông Thị L. Bị đơn anh Phùng Văn Đ không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nông Thị L và bị đơn anh Phùng Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã H;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San